

Số: 66 / QĐ-UBND

Đại Lộc, ngày 14 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về cấp kinh phí thực hiện lựa chọn sách giáo khoa lớp 5, lớp 9 năm học 2024-2025 cho các trường Tiểu học, THCS công lập trên địa bàn huyện Đại Lộc

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI LỘC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định thi hành một số điều Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định 1279/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét Tờ trình số 116 /TTr-TCKH ngày 11/4/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp kinh phí thực hiện lựa chọn sách giáo khoa lớp 5, lớp 9 năm học 2024-2025 cho các trường Tiểu học, THCS công lập trên địa bàn huyện với tổng số tiền: 568.592.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi tám triệu năm trăm chín hai ngàn đồng chẵn), cụ thể như sau:

ST T	Nội dung	Kinh phí thực hiện (đồng)	Ngân sách tỉnh (70%)	Ngân sách huyện (30%)
01	Kinh phí lựa chọn SGK lớp 5	329.980.000	230.986.000	98.994.000
02	Kinh phí lựa chọn SGK lớp 9	238.612.000	167.028.400	71.583.600
	Tổng cộng	568.592.000	398.014.400	170.577.600

(Chi tiết theo các phụ lục đính kèm)

Từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung tại Quyết định số 3075/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 với số tiền: 398.014.400 đồng; sự nghiệp giáo dục năm 2025 với số tiền: 170.577.600 đồng.

Điều 2. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Phòng Giao dịch số 3, Kho bạc Nhà nước khu vực XII có trách nhiệm giải quyết kinh phí, kiểm soát chi và hướng dẫn cho các đơn vị có tên tại phụ lục đính kèm thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

Đơn vị sử dụng kinh phí có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, thanh quyết toán theo đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Giáo dục và Đào tạo, Trưởng Phòng Giao dịch số 3, Kho bạc Nhà nước khu vực XII, Hiệu trưởng các trường có tên tại phụ lục đính kèm căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./- *Dj*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND huyện;
- Lưu: VT.



Đặng Văn Kỳ

PHỤ LỤC SỐ 01

(Kèm theo Quyết định số **66** /QĐ-UBND ngày **11** tháng 4 năm 2025 của UBND huyện Đại Lộc)



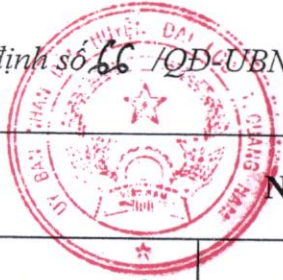
Đvt: đồng

TT	Tên trường THCS	Nội dung			Tổng kinh phí phân bổ		
		Hỗ trợ giáo viên Tổ chuyên môn nghiên cứu, thảo luận và đánh giá lựa chọn các sách giáo khoa của môn học - Lớp 9	Hỗ trợ thành viên Hội đồng lựa chọn SGK hợp để thảo luận, đánh giá lựa chọn sách giáo khoa cho mỗi môn học lớp 9	Hỗ trợ văn phòng phẩm thực hiện lựa chọn SGK	Tổng cộng	Số tiền ngân sách tỉnh (70%)	Số tiền ngân sách huyện (30%)
1	TH - THCS Đại Sơn	11.856.000	1.500.000	680.000	14.036.000	9.825.200	4.210.800
2	THCS Nguyễn Huệ	11.856.000	1.500.000	680.000	14.036.000	9.825.200	4.210.800
3	THCS Quang Trung	11.856.000	1.500.000	680.000	14.036.000	9.825.200	4.210.800
4	THCS Phù Đổng	11.856.000	1.500.000	680.000	14.036.000	9.825.200	4.210.800
5	THCS Kim Đồng	11.856.000	1.500.000	680.000	14.036.000	9.825.200	4.210.800
6	THCS Nguyễn Du	11.856.000	1.500.000	680.000	14.036.000	9.825.200	4.210.800
7	THCS Trần Hưng Đạo	11.856.000	1.500.000	680.000	14.036.000	9.825.200	4.210.800
8	THCS Nguyễn Trãi	11.856.000	1.500.000	680.000	14.036.000	9.825.200	4.210.800
9	THCS Trần Phú	11.856.000	1.500.000	680.000	14.036.000	9.825.200	4.210.800
10	THCS Mỹ Hoà	11.856.000	1.500.000	680.000	14.036.000	9.825.200	4.210.800
11	THCS Phan Bội Châu	11.856.000	1.500.000	680.000	14.036.000	9.825.200	4.210.800
12	THCS Lê Quý Đôn	11.856.000	1.500.000	680.000	14.036.000	9.825.200	4.210.800
13	THCS Võ Thị Sáu	11.856.000	1.500.000	680.000	14.036.000	9.825.200	4.210.800
14	THCS Lý Tự Trọng	11.856.000	1.500.000	680.000	14.036.000	9.825.200	4.210.800
15	TH&THCS Đại Chánh	11.856.000	1.500.000	680.000	14.036.000	9.825.200	4.210.800
16	TH&THCS Đại Tân	11.856.000	1.500.000	680.000	14.036.000	9.825.200	4.210.800
17	TH &THCS Đại Thạnh	11.856.000	1.500.000	680.000	14.036.000	9.825.200	4.210.800
	TỔNG CỘNG	201.552.000	25.500.000	11.560.000	238.612.000	167.028.400	71.583.600

PHỤ LỤC SÔ 02

(Kèm theo Quyết định số ~~66~~ /QĐ-UBND ngày ~~14~~ tháng 4 năm 2025 của UBND huyện Đại Lộc)

Đvt: đồng



TT	Tên trường	Nội dung			Tổng nhu cầu kinh phí lựa chọn sách/trường		
		Hỗ trợ giáo viên tổ chuyên môn Nghiên cứu, thảo luận và đánh giá lựa chọn sách giáo khoa của môn học	Hỗ trợ thành viên Hội đồng lựa chọn SGK hợp để thảo luận, đánh giá lựa chọn sách giáo khoa cho mỗi môn học	Phô tô tài liệu, mua văn phòng phẩm	Tổng cộng	Số tiền ngân sách tỉnh (70%)	Số tiền ngân sách huyện (30%)
1	TH&THCS Đại Sơn	12.415.000	1.500.000	680.000	14.595.000	10.216.500	4.378.500
2	TH Trương Đình Nam	14.595.000	1.700.000	680.000	16.975.000	11.882.500	5.092.500
3	TH Đại Lãnh	14.595.000	1.700.000	680.000	16.975.000	11.882.500	5.092.500
4	TH Đại Hồng	14.595.000	1.700.000	680.000	16.975.000	11.882.500	5.092.500
5	TH Đại Đồng	14.595.000	1.700.000	680.000	16.975.000	11.882.500	5.092.500
6	TH Đại Quang	14.595.000	1.700.000	680.000	16.975.000	11.882.500	5.092.500
7	TH Trương Hoàn	14.595.000	1.700.000	680.000	16.975.000	11.882.500	5.092.500
8	TH Đoàn Nghiên	14.595.000	1.700.000	680.000	16.975.000	11.882.500	5.092.500
9	TH Hứa Tạo	14.595.000	1.700.000	680.000	16.975.000	11.882.500	5.092.500
10	TH Nguyễn Đức Thiệu	14.595.000	1.700.000	680.000	16.975.000	11.882.500	5.092.500
11	TH Nguyễn Ngọc Bình	14.595.000	1.700.000	680.000	16.975.000	11.882.500	5.092.500
12	TH Lê Thị Xuyên	14.595.000	1.700.000	680.000	16.975.000	11.882.500	5.092.500
13	TH Nguyễn Công Sáu	14.595.000	1.700.000	680.000	16.975.000	11.882.500	5.092.500
14	TH Đại Cường	14.595.000	1.700.000	680.000	16.975.000	11.882.500	5.092.500

TT	Tên trường	Nội dung			Tổng nhu cầu kinh phí lựa chọn sách/trường		
		Hỗ trợ giáo viên tổ chuyên môn Nghiên cứu, thảo luận và đánh giá lựa chọn sách giáo khoa của môn học	Hỗ trợ thành viên Hội đồng lựa chọn SGK họp để thảo luận, đánh giá lựa chọn sách giáo khoa cho mỗi môn học	Phô tô tài liệu, mua văn phòng phẩm	Tổng cộng	Số tiền ngân sách tỉnh (70%)	Số tiền ngân sách huyện (30%)
15	TH Nguyễn Thị Bảy	14.595.000	1.700.000	680.000	16.975.000	11.882.500	5.092.500
16	TH Trần Đình Tri	14.595.000	1.700.000	680.000	16.975.000	11.882.500	5.092.500
17	TH Đoàn Quý Phi	14.595.000	1.700.000	680.000	16.975.000	11.882.500	5.092.500
18	TH&THCS Đại Tân	12.415.000	1.500.000	680.000	14.595.000	10.216.500	4.378.500
19	TH&THCS Đại Chánh	12.415.000	1.500.000	680.000	14.595.000	10.216.500	4.378.500
20	TH&THCS Đại Thạnh	12.415.000	1.500.000	680.000	14.595.000	10.216.500	4.378.500
	TỔNG CỘNG	283.180.000	33.200.000	13.600.000	329.980.000	230.986.000	98.994.000